TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT
Ngày: 26-02-2020
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLPT-KDTM ngày 02/01/2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐPT ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ- A Hội sở kiêm Phó Tổng Giám đốc A AMC.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: Bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Phạm Văn S (Văn bản ủy quyền số 10843/2020/UQ-KHDNUN ngày 25/12/2020) (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 01, tòa nhà AMC, số 96, đường Cao Thắng, phường D, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng A: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)

Địa chỉ: 22, Hàng Vôi, phường G, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đông, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

*Người đại diện theo ủy quyền:*Ông Đặng Đình T, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của VAMC: Ngân hàng A.

- *Bị đơn*: Công ty I

Địa chỉ: Ấp 2, xã K (nay là khu phố 2, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Ngọc D, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc D: Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty O

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lê V, chức vụ: Giám đốc

2/ Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

3/ Bà Phan Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

4/ Bà Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B: Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước.

- ***Người kháng cáo***: Người đại diện theo ủy quyền của của bà Huỳnh Ngọc D (bà D là người đại diện theo pháp luật của Công ty I) là ông Nguyễn Lê V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A trình bày:

Công ty I đã vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 23/7/2014 vay số tiền 20.121.629.000 đồng (Hai mươi tỷ một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng), thời hạn vay 08 năm. Phụ lục hợp đồng số SME/BDG/14/0027/HĐTDDH/PLHD01 ngày 29/9/2014 sửa đổi số tiền vay thành 70.000.000.000đ (Bảy mươi tỷ đồng). Tổng số tiền đã giải ngân theo hợp đồng này là 48.958.000.000đ (Bốn mươi tám tỷ chín trăm năm mươi tám triệu đồng).

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/BDG/16/0073/HDHM ngày 07/10/2016 vay số tiền 20.920.000.000 đồng (Hai mươi tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Đã giải ngân toàn bộ 20.920.000.000đ (Hai mươi tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng).

Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/15/0061/HDTD-01 ngày 31/12/2015 vay số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Đã giải ngân toàn bộ 1.900.000.000đ (Một tỷ chín trăm triệu đồng).

Hợp đồng cho vay số SME/BDG/17/0113/HDTD ngày 28/8/2017 vay số tiền 1.735.000.000đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Đã giải ngân toàn bộ 1.735.000.000đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Các hợp đồng thỏa thuận lãi suất cho vay theo quy định tại Ngân hàng A - Chi nhánh Bình Dương tại thời điểm giải ngân, thỏa thuận cụ thể về lãi suất, thời hạn và biên độ điều chỉnh lãi suất thể hiện trong khế ước nhận nợ ký khi giải ngân. Tiền gốc và lãi trả hàng tháng.

Các khế ước nhận nợ thể hiện số tiền đã giải ngân, lãi suất, thời hạn vay cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số	**Số tiền vay (đồng)**	**Thời hạn vay**	**Lãi suất/năm**	**Ngày giải ngân**	**Ngày đến hạn**	**Mục đích vay**
Lần: 01/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 01/8/2014.	10.000.000.000 đồng.	-	14,2%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	01/8/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 02/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH	10.000.000.000 đồng.	-	14,2%/năm, điều chỉnh 03	04/8/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.

ngày 04/8/2014.			tháng/lần.			
Lần: 03/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 06/8/2014.	120.000.000 đồng.	-	14,4%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	06/8/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 04/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 29/09/2014.	5.200.000.000 đồng.	-	14,4%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	29/9/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 05/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 19/11/2014.	3.380.000.000 đồng.	-	13,7%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	19/11/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 06/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 30/12/2014.	7.590.000.000 đồng.	-	13,2%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	30/12/2014	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 07/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 04/02/2015.	2.160.000.000 đồng.	-	13,0%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	04/02/2015	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 08/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 26/03/2015.	4.158.000.000 đồng.	-	13,0%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	26/03/2015	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 09/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 06/04/2015.	1.450.000.000 đồng.	-	12,4%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	06/04/2015	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 10/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH ngày 08/06/2015.	3.350.000.000 đồng.	-	11,9%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	08/06/2015	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao su.
Lần: 11/số: SME/BDG/14/0027/HĐTDDH	1.550.000.000 đồng.	-	12,1%/năm, điều chỉnh 03	22/01/2016	01/8/2022	Tài trợ xây dựng nhà máy chế biến

ngày 22/01/2016.			tháng/lần.			gỗ cao su.
Lần: 11/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-11 ngày 30/08/2017.	3.200.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	30/08/2017	28/02/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.
Lần: 12/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-12 ngày 28/09/2017.	410.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	28/09/2017	29/03/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.
Lần: 13/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-13 ngày 04/10/2017.	1.340.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	04/10/2017	04/04/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.
Lần: 14/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-14 ngày 05/10/2017.	5.280.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	05/10/2017	05/04/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.
Lần: 15/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-15 ngày 06/10/2017.	5.200.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	06/10/2017	06/04/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.
Lần: 16/số: SME/BDG/16/0073/HDHM-16 ngày 06/10/2017.	5.490.000.000 đồng.	06 tháng	10%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	06/10/2017	06/04/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến gỗ cao su.

Lần: 01/số: SME/BDG/15/0061/HDTD-01 ngày 31/12/2015.	1.900.000.000 đồng.	36 tháng	18,35%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	31/12/2015	31/12/2018	Bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ; Bổ sung vốn để mở rộng phát triển kinh doanh.
Lần: 01/số: SME/BDG/17/0113/HDTD-01 ngày 29/08/2017.	1.735.000.000 đồng.	06 tháng	11,0%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	29/08/2017	28/02/2018	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh chế biến gỗ.
Tổng cộng	**73.513.000.000 đồng**					

Tổng cộng tiền đã cấp tín dụng cho Công ty I là **73.513.000.000 đồng** (Bảy mươi ba tỷ năm trăm mười ba triệu đồng).

Để bảo đảm cho những khoản vay trên, Ngân hàng A và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

- Thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất (Nhà xưởng chế biến gỗ) tại địa chỉ Ấp 2, xã K, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 971541, vào sổ cấp GCN số CT 05872 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/5/2015 thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty I.

- Thế chấp bằng toàn bộ 44 bộ máy móc thiết bị gồm có như sau: 07 bộ Máy cưa vòng CD3, 08 bộ Máy cưa mâm, 08 bộ Máy cắt ngang, 06 bộ Máy cưa vòng đứng, 13 bộ Hệ thống thiết bị lò sấy hơi nước tự động, 01 bộ Hệ thống thiết bị nồi hơi 7000kg/h và 01 bộ Hệ thống thiết bị bồn tẩm áp lực. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Thế chấp bằng toàn bộ 24 bộ máy móc thiết bị và 04 xe nâng gồm có như sau: 06 bộ Máy cưa vòng CD3, 06 bộ Máy cưa mâm, 06 Máy cắt ngang, 06 bộ máy cưa vòng đứng, 02 chiếc xe nâng dầu 2,5 tấn, 02 chiếc xe nâng hàng động cơ dầu hiệu Toyata, mới 100%. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Thế chấp bằng toàn bộ số máy móc thiết bị gồm có như sau: 01 bộ Hệ thống thiết bị nồi hơi 7000kg/h, 01 bộ Hệ thống xử lý bụi + quạt, 01 cái Ống khói Inox, 01 cái Ống cấp nhiệt và bảo ôn, 01 cái Bồn tẩm gỗ và 06 cái Phòng sấy gỗ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Thế chấp bằng toàn bộ hàng hóa thuộc sở hữu của Công ty I bao gồm các mặt hàng gỗ thành phẩm, tại mọi thời điểm giá trị tài sản thế chấp thực tế có trong kho (địa điểm kho chứa hàng: Ấp 2, xã K, huyện L, tỉnh Bình Phước) không được thấp hơn 7 tỷ đồng. Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được do Công ty I bán tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay của Công ty I tại A.

- Thế chấp bằng toàn bộ quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty I phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp, dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty I (gọi chung là "Hợp đồng đầu ra") đã/đang/sẽ được ký giữa Công ty I và Bên mua/Bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty I.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án thực hiện thì các tài sản thế chấp là hiện vật, máy móc, nhà xưởng thì không có gì thay đổi so với số tài sản là hiện vật lúc ngân hàng thẩm định để ký hợp đồng thế chấp.

Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật, theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01 ngày 23/7/2014, số công chứng 2399, do Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 23/07/2014, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01-SĐBS.01 ngày 05/06/2015, số công chứng 259, do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 05/06/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Phước ngày 23/07/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0022/HĐTC ngày 05/6/2015, số công chứng 1609, do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 05/06/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Phước ngày 23/07/2014.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC ngày 07/9/2015, số công chứng 778, do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 07/9/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước ngày 07/9/2015.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC.01 ngày 18/12/2015, số công chứng 3315, do Phòng

Công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 18/12/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước ngày 23/07/2014.

- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.02 ngày 03/2/2015, số công chứng 88, do Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 03/2/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 03/02/2015.

- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.03 ngày 02/4/2015, số công chứng 219, do Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 02/4/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 02/4/2015.

- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.04 ngày 21/01/2016 số công chứng 370, do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 21/01/2016. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 21/01/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số SME/BDG/17/0027/HĐTC-02 ngày 28/08/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/08/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SME/BDG/17/0027/HĐTC-01 ngày 28/08/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/08/2017.

Ngoài ra, để bảo lãnh cho khoản vay trên các bên còn ký kết các hợp đồng bảo lãnh gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Lê V và bà Phan Thị B theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 23/07/2014.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của Công ty O theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 29/09/2014.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Huỳnh Ngọc D và bà Phan Thị B theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/15/0061/HĐBL ngày 31/12/2015.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Huỳnh Ngọc D và bà Phan Thị B theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0073/HĐBL ngày 07/10/2016.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Lê V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/17/00113/HĐBL ngày 28/08/2017.

Vi phạm của bị đơn:

Công ty I đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi đúng theo hợp đồng đến tháng 01/2018. Từ tháng 02/2018 Công ty I vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ cho Ngân hàng. A đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty I để yêu cầu trả nợ vay nhưng Công ty I cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Theo các Hợp đồng tín dụng nếu Công ty I chậm thanh toán nợ gốc thì phải chịu lãi quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ gốc; Đối với nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay A chỉ yêu cầu Công ty I chịu lãi quá hạn, không yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi.

Do đó, A yêu cầu Hội đồng xét xử như sau:

1. Buộc Công ty I phải trả cho A tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 22/11/2019 là:

- Nợ gốc: 59.788.947.000 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Nợ lãi quá hạn 21.598.949.207đ (Hai mươi mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng).

Tổng cộng: 81.387.896.207đ (Tám mươi mốt tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm lẻ bảy đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 23/11/2019, Công ty I vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho A.

2. Trường hợp Công ty I không thanh toán được tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên, A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ cho A.

3. Đồng thời A yêu cầu Công ty O, cá nhân ông Nguyễn Lê V, bà Phan Thị B và bà Huỳnh Ngọc D liên đới chịu trách nhiệm thanh toán các khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký nếu tài sản thế chấp không đủ để trả nợ.

Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) là Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng A trình bày:

VAMC đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 6561/2018/MBN.VAMC-A ngày 26/12/2018 để mua toàn bộ khoản nợ của Công ty I từ A, từ đó VAMC có quyền kế thừa các quyền, nghĩa vụ tố tụng của A.

VAMC đã ủy quyền cho A tham gia tố tụng theo hợp đồng ủy quyền số 6562/2018/UQ.VAMC-A ngày 26/12/2018 nên toàn bộ ý kiến và yêu cầu của người đại diện cho A là ý kiến của VAMC.

Đại diện bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Lê V trình bày:

- Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi: của A: Ông Nguyễn Lê V thống nhất với những nội dung mà đại diện ngân hàng trình bày, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp của Công ty I và các hợp đồng bảo lãnh của công ty Nguyễn Dinh, cá nhân ông Nguyễn Lê V, bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B đối với khoản vay của Công ty I đều do các bên tự nguyện ký kết. Tính đến ngày 22/11/2019, Công ty I còn nợ ngân hàng A tiền gốc 59.788.947.000 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), nên Công ty I đồng ý với yêu cầu đòi trả nợ gốc của Ngân hàng.

Công ty I đồng ý trả lãi quá hạn cho Ngân hàng nhưng số tiền lãi ngân hàng tính đến ngày xét xử hôm này là 21.598.949.207đ (Hai mươi mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng) là quá cao, vì Người đại diện Công ty I tự tính toán trung bình trên số nợ gốc còn lại với mức lãi suất quá hạn cao nhất thì tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm cũng không đến con số trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Việc Công ty ký các hợp đồng thế chấp tài sản cho A là đúng pháp luật nên nếu Công ty I không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm bảo lãnh: Trường hợp tài sản thế chấp của Công ty I không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty O, ông Nguyễn Lê V, bà Phan Thị B và bà Huỳnh Ngọc D đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền cho A theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với ngân hàng. Trường hợp đến thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nếu Công ty O, ông Nguyễn Lê V, bà Phan Thị B và bà Huỳnh Ngọc D không có tiền để trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản của Công ty O, ông Nguyễn Lê V, bà Phan Thị B và bà Huỳnh Ngọc D để trả khoản nợ của Công ty I đã vay của A.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Hớn Quan đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (A).

Buộc Công ty I phải trả cho Ngân hàng A (A) nợ gốc 59.788.947.000đ (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); Nợ lãi quá hạn 21.598.949.207đ (Hai mươi mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng: 81.387.896.207đ (Tám mươi mốt tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

[2] Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngay khi bị đơn trả hết nợ gốc và các khoản lãi cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 971541, vào sổ cấp GCN số CT 05872 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/5/2015 cho bị đơn.

[3] Việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) là Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng A nên có tất cả các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trong vụ án này.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty I không thực hiện việc trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, căn cứ theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01 ngày 23/7/2014, được sửa đổi theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01-SĐBS.01 ngày 05/06/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0022/HĐTC ngày 05/6/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC ngày 07/9/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC.01 ngày 18/12/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.02 ngày 03/2/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.03 ngày 02/4/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.04 ngày 21/01/2016; Hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng hóa gỗ thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty I số

SME/BDG/17/0027/HĐTC-02 ngày 28/08/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SME/BDG/17/0027/HĐTC-01 ngày 28/08/2017.

[5] Về trách nhiệm bảo lãnh: Trong trường hợp Công ty I không thực hiện việc trả nợ được, trả không đủ hoặc tài sản thế chấp phát mãi không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì các bên bảo lãnh là Công ty O; bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Lê V phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV Lê Vy ông Nguyễn Lê V kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất và giảm số tiền lãi mà Công ty I phải trả.

Tại phiên toà phúc thẩm Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) là ông Phạm Văn S và Nguyễn Ngọc Thủy T với gười đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc D (Giám đốc Công ty I) là ông Nguyễn Lê V thống nhất thỏa thuận việc giải quyết vụ án như sau:

1. Công ty I có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A (viết tắt A) tổng số tiền tạm tính đến 15/01/2020 là 74.000.000.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ đồng), miễn giảm toàn bộ phần lãi còn lại, theo lộ trình sau:

- Tháng 02/2020, khách hàng sẽ thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 03/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 04/2020 khách hàng thanh toán 15 tỷ đồng (Mười lăm tỷ đồng);
- Tháng 05/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 06/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 07/2020 khách hàng sẽ tất toán toàn bộ khoản vay tại A.

2. Về phương thức thanh toán: Công ty I thanh toán cho Ngân hàng A bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 130908117 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I hoặc số tài khoản 63150002 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I.

3. Trường hợp Công ty I vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào nêu trên thì việc miễn giảm lãi không còn giá trị pháp lý. Công ty I phải trả ngay một lần (bao gồm cả kỳ đến hạn và chưa đến hạn) cho A số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 như sau: nợ gốc 59.788.947.000 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng); Nợ lãi quá hạn 21.598.949.207 đồng (Hai mươi

mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng: 81.387.896.207 đồng (Tám mươi mốt tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 23/11/2019, Công ty I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

4. Trường hợp Công ty I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ được thì yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, căn cứ theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01 ngày 23/7/2014, được sửa đổi theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01-SĐBS.01 ngày 05/06/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0022/HĐTC ngày 05/6/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC ngày 07/9/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC.01 ngày 18/12/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.02 ngày 03/2/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.03 ngày 02/4/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.04 ngày 21/01/2016; Hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng hóa gỗ thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty I số SME/BDG/17/0027/HĐTC-02 ngày 28/08/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SME/BDG/17/0027/HĐTC-01 ngày 28/08/2017.

5. Trong trường hợp Công ty I không thực hiện việc trả nợ được, trả không đủ hoặc tài sản thế chấp phát mãi không đủ trả nợ cho A thì các người bảo lãnh là Công ty O; bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Lê V phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng A.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng khác**:** Công ty I tự nguyện chịu.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ: Tai phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Ngân hàng A và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) với đại diện Công ty I thống nhất thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án như sau:

1. Công ty I có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A (viết tắt A) tổng số tiền tạm tính đến 15/01/2020 là 74.000.000.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ đồng), miễn giảm toàn bộ phần lãi còn lại, theo lộ trình sau:

- Tháng 02/2020, khách hàng sẽ thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 03/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 04/2020 khách hàng thanh toán 15 tỷ đồng (Mười lăm tỷ đồng);
- Tháng 05/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 06/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 07/2020 khách hàng sẽ tất toán toàn bộ khoản vay tại A.

2. Về phương thức thanh toán: Công ty I thanh toán cho Ngân hàng A bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 130908117 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I hoặc số tài khoản 63150002 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I.

3. Trường hợp Công ty I vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào nêu trên thì việc miễn giảm lãi không còn giá trị pháp lý. Công ty I phải trả ngay một lần (bao gồm cả kỳ đến hạn và chưa đến hạn) cho A số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 như sau: nợ gốc 59.788.947.000 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng); Nợ lãi quá hạn 21.598.949.207 đồng (Hai mươi mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng: 81.387.896.207 đồng (Tám mươi mốt tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 23/11/2019, Công ty I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

4. Trường hợp Công ty I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ được thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, căn cứ theo các

hợp đồng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01 ngày 23/7/2014, được sửa đổi theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01-SĐBS.01 ngày 05/06/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0022/HĐTC ngày 05/6/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC ngày 07/9/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC.01 ngày 18/12/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.02 ngày 03/2/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.03 ngày 02/4/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.04 ngày 21/01/2016; Hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng hóa gỗ thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty I số SME/BDG/17/0027/HĐTC-02 ngày 28/08/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SME/BDG/17/0027/HĐTC-01 ngày 28/08/2017.

5. Trong trường hợp Công ty I không thực hiện việc trả nợ được, trả không đủ hoặc tài sản thế chấp phát mãi không đủ trả nợ cho A thì các người bảo lãnh là Công ty O; bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Lê V phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng A.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm**:** Công ty I tự nguyện chịu 182.000.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng khác: Công ty I chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 16.000.000 đồng.

[2] Xét, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty I là ông Nguyễn Lê V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Người đại diện theo ủy quyền của Công ty I là ông Nguyễn Lê V.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 355; Điều 361, Điều 362 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 299, khoản 4 Điều 321, Điều 335, Điều 336 Bộ luật dân sự 2015; các điều 9, 10, 12, 22 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016 về giao dịch bảo đảm;

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Ngân hàng A và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng A là Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) với bị đơn Công ty I như sau:

1. Công ty I có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A (viết tắt A) tổng số tiền tạm tính đến 15/01/2020 là 74.000.000.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ đồng), miễn giảm toàn bộ phần lãi còn lại, theo lộ trình sau:

- Tháng 02/2020, khách hàng sẽ thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 03/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 04/2020 khách hàng thanh toán 15 tỷ đồng (Mười lăm tỷ đồng);
- Tháng 05/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 06/2020 khách hàng thanh toán 1.5 tỷ đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Tháng 07/2020 khách hàng sẽ tất toán toàn bộ khoản vay tại A.

2. Về phương thức thanh toán: Công ty I thanh toán cho Ngân hàng A bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 130908117 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I hoặc số tài khoản 63150002 mở tại Ngân hàng A- chi nhánh Bình Dương, chủ tài khoản là Công ty I.

3. Trường hợp Công ty I vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào nêu trên thì Công ty I phải trả ngay một lần (bao gồm cả kỳ đến hạn và chưa đến hạn) cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 như sau: Nợ gốc 59.788.947.000 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng); Nợ lãi quá hạn 21.598.949.207 đồng (Hai mươi mốt tỷ năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng: 81.387.896.207 đồng (Tám mươi mốt tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm lẻ bảy đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 23/11/2019, Công ty I còn phải tiếp tục

chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

4. Trường hợp Công ty I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ được thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, căn cứ theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01 ngày 23/7/2014, được sửa đổi theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SME/BDG/14/0027/HĐTC.01-SĐBS.01 ngày 05/06/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0022/HĐTC ngày 05/6/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC ngày 07/9/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SME/BDG/15/0032/HĐTC.01 ngày 18/12/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.02 ngày 03/2/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.03 ngày 02/4/2015; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số SME/BDG/14/0027/HĐTC.04 ngày 21/01/2016; Hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng hóa gỗ thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty I số SME/BDG/17/0027/HĐTC-02 ngày 28/08/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SME/BDG/17/0027/HĐTC-01 ngày 28/08/2017.

5. Trong trường hợp Công ty I không thực hiện việc trả nợ được, trả không đủ hoặc tài sản thế chấp phát mãi không đủ trả nợ cho A thì các người bảo lãnh là Công ty O; bà Huỳnh Ngọc D, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Lê V phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng A.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm**:** Công ty I phải chịu 182.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu đồng).

Ngân hàng A không phải chịu. Trả lại cho A số tiền tạm ứng án phí: 87.303.376 đồng (Tám mươi bảy triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số 0004829, quyển số: 0097 ngày 19/07/2018 của Chi cục Thi Hành án huyện L, tỉnh Bình Phước.

7. Về chi phí tố tụng**:** Công ty I chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 16.000.000 đồng. Do A đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng nên Công ty I phải trả lại cho A 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Lê V phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001774 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND TX Đồng Xoài;
- Chi Cục THADS TX Đồng Xoài;
- Đương sự;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khương